

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST

Ngày 24-9-2021

V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Nh

2. Ông Nguyễn Xuân T

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

-Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phan Văn P, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp Phụng Thót, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng T: ông Phan Văn P, sinh năm 1979. Cư trú: ấp Phụng Thót, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021) (có mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp Phụng Thót, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phan Văn P, bà Lê Thị Hồng T, người đại diện theo ủy quyền của bà M có ông P trình bày: Ngày 01/9/2012 vợ chồng ông Ch, bà M có hợp đồng cầm (thế chấp) cho ông 2.000m² đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp 915, xã Nhơn N, huyện T, tỉnh Long An, với giá 06 chỉ vàng 24k, thời hạn cầm 01 năm

từ ngày 01/9/2012 đến ngày 01/9/2013 ông trả đất ông Ch trả lại vàng, nhưng ông không nhận đất mà cho vợ chồng ông Ch thuê lại mỗi năm 3.000.000đồng chỉ nói miệng. Đến thời hạn ông Ch không trả vàng mà có trả được 6.000.000đồng tiền thuê lại đất và sau đó ông Ch chuyển nhượng đất cho người khác. Nay ông yêu cầu ông Ch, bà M trả lại 06 chỉ vàng 24k, còn tiền thuê đất ông không yêu cầu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết M, ngày 02/3/2021 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án số: 29/2021/TB-TLVA và niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/3/2021 lần 1. Ngoài ra ngày 08/4/2021 Tòa án tiếp tục niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/4/2021 lần 2, ông Ch và bà M vắng mặt. Tuy nhiên do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 tiếp tục hoãn phiên tòa, đến ngày 07/9/2021 Tòa án Thông báo số 06/2021/TB-TA mở lại phiên tòa xét xử ngày 24/9/2021 ông Ch, bà M vắng mặt không đến tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là “Đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS; Thẩm phán thu thập chứng cứ theo quy định Điều 96, 97, 98 BLTTDS.

Hội đồng xét xử có thay đổi so với quyết định xét xử nhưng vẫn đảm bảo theo quy định. Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến giải quyết vụ án: Về hình thức của hợp đồng cầm (thế chấp) đất ngày 01/9/2021 hai bên chỉ viết tay, không công chứng hoặc chứng thực theo quy định. Đồng thời theo biên bản xác minh ngày 23/6/2021 ông Trần Văn Thành là người ký xác nhận vào hợp đồng cầm đất ngày 08/10/2012 trình bày tờ thế đất ngày 06/10/2012 và giao nhận 06 chỉ vàng 24k giữa ông P và ông Ch thì ông Thành không chứng kiến nhưng ông thấy tờ thế đất giữa ông P với ông Ch giao kèo rõ ràng và chữ ký ông Ch ông biết rõ trước đây ông Ch có ký tên vay vốn Ngân hàng chính sách- xã hội huyện T. Còn đối với ông Ch, bà M, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, thủ tục niêm yết công khai đúng quy định nhưng ông Ch, bà M vắng mặt không đến Tòa án nên không có văn bản thể hiện ý kiến của ông bà về yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy căn cứ vào hợp đồng cầm đất ngày 01/9/2012 do ông P cung cấp có chữ ký của ông Ch, bà M lúc cầm đất và nhận vàng nhưng hợp đồng không có công chứng và chứng thực. Đồng thời việc ông Thành xác nhận vào hợp đồng nhưng không có mặt chứng kiến việc ký kết hợp đồng của vợ chồng ông P và ông Ch, bà M. Ngoài ra từ khi cầm đất ông P

không có canh tác 2.000m² đất mà để cho ông Ch, bà M thuê canh tác và ông P nhận 6.000.000 đồng và cũng không làm biên nhận tiền. Bên cạnh đó ông Ch, bà M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể hiện có hay không việc giao kết hợp đồng cầm đất. Từ nhận định trên chưa đủ cơ sở xác định là có sự giao kết hợp đồng cầm đất như lời trình bày của ông P, bà T hay không. Do đó căn cứ Điều 166, 309, 500 và Điều 502 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đối với ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết M, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-DS và tiến hành giao nhận Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021 hợp lệ lần 02 ông Ch, bà M vắng mặt. Tuy nhiên do dịch bệnh covid-19, đến ngày 07/9/2021 Tòa án ra thông báo số 06/2021/TB-TA mở lại phiên tòa ngày 24/9/2021 lại nhưng ông Ch, bà M cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

1.2 Tại phiên tòa ông P giữ nguyên yêu cầu đòi lại vàng, nên xác định “Đòi lại tài sản (vàng)” của vợ chồng ông Phan Văn P, bà Lê Thị Hồng T đối với ông Nguyễn Văn Ch, bà Nguyễn Thị Tuyết M là tranh chấp dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét thấy ngày 01/9/2012 vợ chồng ông P và ông Ch, bà M thỏa thuận ký hợp đồng cầm (thế chấp) đất, diện tích 2.000m² tại ấp 915, xã Nhơn N, huyện T, thời gian 01 năm tức đến ngày 01/9/2013 (là 03 vụ lúa) với giá 06 chỉ vàng 24k, nhưng hợp đồng không được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng ông P không nhận đất mà cho vợ chồng ông Ch, bà M thuê lại 2.000m² đất giá thỏa thuận 01 năm là 3.000.000 đồng hai bên chỉ nói miệng không làm hợp đồng. Tại phiên tòa, ông P thừa nhận ông Ch, bà M có trả tiền 02 năm thuê đất từ năm 2013 đến 2014 số tiền 6.000.000 đồng. Còn phía bị đơn ông Ch, bà M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về yêu cầu của ông P, nên ghi nhận lời khai của ông P là có thật và ông P không yêu cầu ông Ch, bà M trả tiếp số tiền thuê đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2 Về yêu cầu trả vàng, trong quá trình giải quyết vụ án ông P cung cấp cho Tòa án chứng cứ 01 biên nhận ngày 06/10/2012 nội dung ghi: “Phụng Thót ngày 06.10.2012 tôi Nguyễn Văn Ch có nhận của Phan Văn P, 1979 số vàng 6

chỉ vàng 24kra (sáu chỉ vàng) ký tên Nguyễn Văn Ch ”.

Xét thấy hợp đồng cầm (thế chấp) đất ngày 01/9/2012 giữa vợ chồng ông P với ông Ch, bà M thời hạn 01 năm là đến ngày 01/9/2013 hết hạn, giá thỏa thuận 06 chỉ vàng 24k, đến ngày 06/10/2012 ông Ch viết biên nhận vàng của ông P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 ông Trần Văn Thành người làm chứng khai biên nhận 06 chỉ vàng 24k ngày 06/10/2012 giữa ông Ch với ông P thì ông không chứng kiến, nhưng đến ngày 08/10/2012 ông P đến nhà đưa tờ biên nhận vàng của ông Ch lúc này không có mặt ông Ch, thì ông thấy tờ cầm (thế chấp) đất giữa ông P với ông Ch giao kèo rõ ràng và chữ ký của ông Ch thì ông biết rất rõ gì trước đó ông Ch có ký tên vay vốn Ngân hàng chính sách- xã hội huyện T nên ông có xác nhận. Tại công văn số 485/UBND-NC ngày 28/6/2021 của UBND xã Nhơn N có ý kiến: Thời gian ông Trần Văn Thành làm Phó trưởng ấp Phụng Thốt, xã Nhơn N từ năm 2007 đến năm 2012 là đúng.

Ngoài ra, việc niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng địa chỉ cư trú của bị đơn. Cũng như quyết định hoãn phiên tòa số:14/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021 bà M đã ký nhận điều này chứng minh ông Ch và bà M biết được yêu cầu khởi kiện của ông P mà ông Ch, bà M vẫn cố tình vắng mặt là từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử buộc ông Ch trả lại 06 chỉ vàng 24k của ông P là có căn cứ.

2.3 Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M trong hợp đồng cầm (thế chấp) đất ngày 01/9/2012 bà ký tên người thừa kế thì chứng minh trong thời gian này bà M và ông Ch còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Đồng thời mục đích cầm (thế chấp) đất cho ông P nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình. Do đó ông P yêu cầu bà M có nghĩa vụ liên đới trả vàng 06 chỉ vàng 24k là có cơ sở.

[3] Giá 01 chỉ vàng 24k = 5.010.000đồng x 6 chỉ vàng = 30.060.000đồng để tính tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]Về án phí: Ông Ch, bà M có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông P, bà T không phải chịu án phí nên được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan Văn P, bà Lê Thị Hồng T.

1. Buộc ông ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ liên đới trả ông Phan Văn P, bà Lê Thị Hồng T 06 (sáu) chỉ vàng 24k.

2. Về án phí: ông Ch, bà M phải chịu 1.503.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả ông P, bà T 795.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001410 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng